TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 7 - 6 - 2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Ông Đào Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị H là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân, gia đình thụ lý số: 559/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà H, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Số 00, ngách 001, phường Z, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
2. Bị đơn: Ông K, sinh năm: 1967.
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Bà H và ông K đều xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 5 năm 2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết bà H trình bày: Bà H và ông K chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả cuộc sống chung không phù hợp nên ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông K.

Về con chung: Có 02 con chung tên A, sinh ngày 5/01/2004 và Đ, sinh ngày 18/7/2007 hiện bà H đang nuôi. Khi ly hôn, bà H xin được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông K: Ông K xác nhận lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa ông K và bà H theo bà H trình bày là đúng. Nay bà H xin ly hôn, ông K đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên A, sinh ngày 5/01/2004 và Đ, sinh ngày 18/7/2007 hiện bà H đang nuôi. Khi ly hôn, ông K đồng ý giao 02 con chung cho bà H tiếp tục nuôi và ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Nguyên đơn bà H và bị đơn ông K đều có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H và ông K chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay bà H và ông K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn nên thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông K là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông K thống nhất khai, vợ chồng chung sống có 02 con chung tên A, sinh ngày 5/01/2004 và Đ, sinh ngày 18/7/2007 hiện bà H đang nuôi. Khi ly hôn, bà H và ông K thống nhất thỏa thuận, cụ thể: Bà H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên A, sinh ngày 5/01/2004 và Đ, sinh ngày 18/7/2007 hiện bà H đang nuôi. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu. Xét sự thỏa thuận giữa bà H và ông K về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông K thống nhất khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà H và ông K thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H xin ly hôn với ông K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H được tiếp tục nuôi 02 con chung tên A, sinh ngày 5/01/2004 và Đ, sinh ngày 18/7/2007 hiện bà H đang nuôi. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu. Vì quyền lợi của trẻ, bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, bà H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông K có quyền xin thay đổi quyền nuôi con.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 2888 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà H và ông K vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã M
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp